



Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số** 3600495818 ngày 16 tháng 5 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 21 tháng 1 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch (từ ngày 1 tháng 1 năm 2015)
Ông Thái Văn Chuyện	Chủ tịch (đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)
Ông Bùi Văn Lang	Phó Chủ tịch (từ ngày 20 tháng 1 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Lộc	Phó Chủ tịch (đến ngày 20 tháng 1 năm 2015)
Bà Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên
Ông Tống Thông	Thành viên
Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Văn Lang	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Công Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 1 năm 2015)
Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)
Ông Lê Ngọc Thông	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 10 năm 2014)
Ông Lê An Khang	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 9 năm 2014)
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 25 tháng 8 năm 2014)
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 11 tháng 8 năm 2014)
Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Lê Văn Hòa	Trưởng ban
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên (từ ngày 20 tháng 10 năm 2014)
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên (đến ngày 20 tháng 10 năm 2014)
Ông Lê Nho Định	Thành viên

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1
Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 25 tháng 2 năm 2015



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 2 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến 52. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các số liệu tài chính. Do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn so với công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.


Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

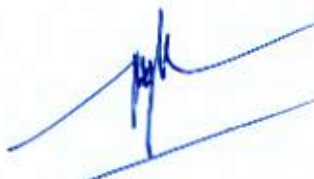
Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 15-01-106




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2163-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2015

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.539.865.348.565	1.535.659.984.077
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	80.989.861.252	71.157.415.931
Tiền	111		10.989.861.252	71.157.415.931
Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	212.918.932.080	31.052.571.428
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	537.834.760.450	552.976.031.529
Phải thu khách hàng	131		317.022.584.736	264.772.913.064
Trà trước cho người bán	132		204.869.858.661	292.409.054.781
Phải thu khác	135		27.197.952.396	5.649.794.273
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(11.255.635.343)	(9.855.730.589)
Hàng tồn kho	140	7	632.320.388.601	834.190.419.313
Hàng tồn kho	141		632.320.388.601	834.643.222.117
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(452.802.804)
Tài sản ngắn hạn khác	150		75.801.406.182	46.283.545.876
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		35.431.747.870	11.992.966.401
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.256.560.574	32.996.131.417
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154	8	3.733.083.595	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.380.014.143	1.294.448.058
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		806.148.967.308	794.380.690.028
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	40.883.565.625	38.857.028.969
Phải thu dài hạn khác	218		40.883.565.625	38.857.028.969
Tài sản cố định	220		668.271.240.493	659.780.230.736
Tài sản cố định hữu hình	221	9	555.213.199.934	529.803.820.854
Nguyên giá	222		999.793.701.505	952.440.586.026
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(444.580.501.571)	(422.636.765.172)
Tài sản cố định vô hình	227	10	7.969.167.818	8.480.820.044
Nguyên giá	228		18.598.131.931	18.598.131.931
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.628.964.113)	(10.117.311.887)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	105.088.872.741	121.495.589.838

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	93.974.660.950	91.142.323.750
Đầu tư vào công ty con	251		22.000.000.000	22.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		7.200.000.000	7.200.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		72.055.143.384	72.055.143.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.280.482.434)	(10.112.819.634)
Tài sản dài hạn khác	260		3.019.500.240	4.601.106.573
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.019.500.240	4.601.106.573
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.346.014.315.873	2.330.040.674.105
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.493.045.660.466	1.474.098.095.200
Nợ ngắn hạn	310		1.432.311.985.473	1.398.691.600.267
Vay ngắn hạn	311	14	1.035.833.963.774	1.178.722.775.603
Phải trả người bán	312	15	225.524.114.884	93.068.208.618
Người mua trả tiền trước	313	16	65.662.761.297	31.098.496.907
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	5.223.744.159	7.507.639.185
Phải trả người lao động	315		25.552.881.455	23.146.291.584
Chi phí phải trả	316	18	10.827.728.601	5.051.920.742
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	56.909.444.312	53.961.651.762
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	20	6.777.346.991	6.134.615.866
Vay và nợ dài hạn	330		60.733.674.993	75.406.494.933
Phải trả dài hạn khác	333		482.640.000	1.555.540.000
Vay dài hạn	334	21	60.251.034.993	73.850.954.933
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		852.968.655.407	855.942.578.905
Vốn chủ sở hữu	410	22	852.968.655.407	855.942.578.905
Vốn cổ phần	411	23	629.949.180.000	629.949.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		39.817.240.000	39.817.240.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	25	109.299.828.194	107.083.910.486
Quỹ dự phòng tài chính	418	25	35.198.110.466	32.982.192.758
Lợi nhuận chưa phân phối	420		38.704.296.747	46.110.055.661
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.346.014.315.873	2.330.040.674.105

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	30/6/2014
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	19.467.381.623	28.191.292.540
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	10.708.853.492	10.703.991.527
Ngoại tệ (USD)	10.274	174.314
Ngoại tệ (EUR)	250	250

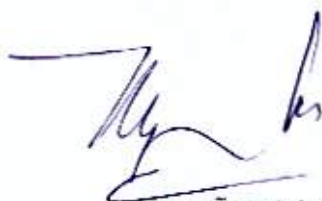
Ngày 25 tháng 2 năm 2015

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu	01	26	1.352.295.084.130	1.704.343.366.386
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	4.513.018.190	994.951.422
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	26	1.347.782.065.940	1.703.348.414.964
Giá vốn hàng bán	11	27	1.216.233.419.041	1.572.340.095.797
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		131.548.646.899	131.008.319.167
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	24.823.643.828	31.005.075.904
Chi phí tài chính	22	29	33.038.909.548	47.779.026.853
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>34.690.653.108</i>	<i>43.454.365.121</i>
Chi phí bán hàng	24		35.807.745.474	42.918.031.564
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		44.856.353.989	28.343.293.695
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		42.669.281.716	42.973.042.959
Thu nhập khác	31	30	7.325.745.045	774.988.532
Chi phí khác	32	31	4.288.812.284	303.816.606
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.036.932.761	471.171.926
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		45.706.214.477	43.444.214.885
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	9.247.694.517	9.072.543.623
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	-	586.198.284
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		36.458.519.960	33.785.472.978

Ngày 25 tháng 2 năm 2015

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tin
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		45.706.214.477	43.444.214.885
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		24.617.978.088	5.981.943.213
Các khoản dự phòng	03		(1.885.235.250)	5.612.766.256
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(369.900.000)	(403.542.000)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05		86.991.376	(210.940.853)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(41.156.692)	(649.691.875)
Thu nhập lãi từ các khoản trả trước cho nông dân trồng mía và cho người bán	05		(20.113.958.168)	(27.212.939.279)
Thu nhập lãi từ tiền khách hàng thanh toán chậm	05		(303.841.257)	-
Thu nhập cổ tức	05		(2.223.558.000)	(2.691.624.000)
Chi phí lãi vay	06		34.690.653.408	43.454.365.121
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		80.164.187.982	67.324.551.468
Biến động các khoản phải thu	09		(58.182.094.819)	(170.187.965.871)
Biến động hàng tồn kho	10		279.039.519.419	787.816.043.872
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		207.183.413.482	(133.695.655.083)
Biến động chi phí trả trước	12		(21.857.175.136)	346.398.989
			486.347.850.928	551.603.373.375
Tiền lãi vay đã trả	13		(35.204.648.302)	(47.907.671.348)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(11.497.926.154)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.748.371.374)	(3.738.526.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		433.896.905.098	499.957.176.026

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

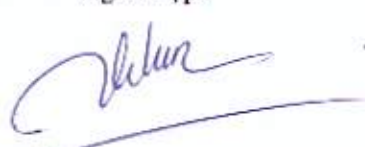
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(37.364.280.129)	(35.225.526.518)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		4.168.300.908	506.454.545
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	25		(281.000.000.000)	(44.240.000.000)
Tiền thu từ cho các đơn vị khác vay	25		99.133.639.348	16.500.000.000
Tiền chi đầu tư cổ phiếu dài hạn	25		-	(13.040.380.000)
Tiền thu lãi và cổ tức	27		9.783.673.865	11.737.317.549
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(205.278.666.008)	(63.762.134.424)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	314.974.590.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.112.485.989.106	1.431.944.084.106
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.268.604.820.875)	(1.948.564.609.238)
Tiền chi trả cổ tức	36		(62.666.962.000)	(21.187.219.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(218.785.793.769)	(222.833.154.132)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		9.832.445.321	213.361.887.470
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		71.157.415.931	24.799.871.991
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	80.989.861.252	238.161.759.461

Ngày 25 tháng 2 năm 2015

Người lập:



Đỗ Thị Thùy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006 và chính thức giao dịch vào ngày 20 tháng 12 năm 2006.

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Các chi nhánh, văn phòng đại diện và nhà máy khác trực thuộc Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 450300000501 cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001, đặt tại Quốc lộ 22B, Ấp Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4713000435 cấp ngày 7 tháng 12 năm 2007, đặt tại Thôn 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Đà Nẵng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3213000033 cấp ngày 11 tháng 6 năm 2001, đặt tại số 280 – 282, Đường Lê Thanh Nghị, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Văn phòng đại diện số 3600495818-012 ngày 8 tháng 9 năm 2014, đặt tại số 62, Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Nông trường Biên Hòa – Thành Long được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818_011 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2014, đặt tại Ấp Thanh Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.

Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông ngày 27 tháng 6 năm 2014, Cổ đông đã thông qua việc Công ty mua lại 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“NHS”) bằng việc phát hành thêm cổ phiếu của Công ty cho cổ đông hiện hữu của NHS với tỷ lệ hoán đổi là 1:1. Vào ngày 9 tháng 7 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phát hành thêm 60.349.080 cổ phiếu cho việc mua lại trên và việc mua lại dự kiến hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 1.139 nhân viên (30/6/2014: 957 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá của khoản đầu tư dài hạn này, nếu có. Công ty có lập báo cáo tài chính hợp nhất mà trong đó báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất với báo cáo tài chính của Công ty. Công ty phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty đã thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán đầu tiên sau thay đổi là từ 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 năm 2014; và
- Các kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ từ 1 tháng 7 đến 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính riêng này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ hoặc giá trị thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá theo hướng dẫn của Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 điều chỉnh cho Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản trả trước cho người bán

Trong các khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn của Công ty được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 – 20 năm
▪ dụng cụ văn phòng	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) Chi phí phát triển

Chi phí cho các hoạt động phát triển mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí phát triển được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí phát triển khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh. Chi phí phát triển đã vốn hóa được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 15 năm.

(iii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Trong những năm tài chính trước, Công ty trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí bảo trì máy móc, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này nằm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Công ty không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, Công ty cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.

Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Công ty đã không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố.

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(q) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo nghị quyết của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(u) Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Tiền mặt	2.270.043.028	547.027.537
Tiền gửi ngân hàng	8.719.818.224	70.610.388.394
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	80.989.861.252	71.157.415.931

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản cho bên thứ ba vay với thời gian đáo hạn dưới 1 năm kể từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay này hưởng lãi suất năm từ 8,5% đến 11,0% trong kỳ (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 10,0% đến 11,0%).

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	26.996.729.451	944.981.769
Phải thu từ các bên liên quan khác		
Thương mại	255.816.511	-

Phải thu thương mại từ các cổ đông không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 – 20 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải thu với giá trị là 436.186 triệu VND (30/6/2014: 509.951 triệu VND) được yêu cầu thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Trong khoản trả trước cho người bán và khoản phải thu dài hạn khác là khoản trả trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	115.593.204.427	159.195.266.329
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	40.883.565.625	38.857.028.969
	<hr/>	<hr/>
	156.476.770.052	198.052.295.298
	<hr/>	<hr/>

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất tháng cố định là 0,9% trong kỳ (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 1,0% mỗi tháng). Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được thu hồi trong thời hạn từ 1 đến 4 năm kể từ ngày giải ngân.

Trong kỳ, Công ty đã căn trừ 86.914.825.366 VND khoản trả trước cho và lãi phải thu từ nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 85.724.413.598 VND).

Phải thu khác bao gồm:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Mía được giữ hộ bởi bên thứ ba	9.149.253.907	-
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	8.022.308.731	-
Phải thu lãi từ nông dân trồng mía	6.741.014.773	4.040.313.984
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển phải thu từ nông dân trồng mía	1.087.613.459	175.370.435
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ nhân viên	341.040.086	313.232.085
Phải thu khác	1.856.721.440	1.120.877.769
	<hr/>	<hr/>
	27.197.952.396	5.649.794.273
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

7. Hàng tồn kho

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	42.876.405.000	74.802.031.217
Nguyên vật liệu	181.651.153.467	66.021.159.445
Công cụ và dụng cụ	15.111.869.019	14.281.501.555
Sản xuất kinh doanh dở dang	75.793.891.634	51.633.944.932
Thành phẩm	308.643.858.643	603.101.305.726
Hàng hóa	8.243.210.838	24.803.279.242
	<hr/>	<hr/>
	632.320.388.601	834.643.222.117
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(452.802.804)
	<hr/>	<hr/>
	632.320.388.601	834.190.419.313
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 517.858 triệu VND (30/6/2014: 702.034 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	Từ 1/7/2014	Từ 1/7/2013
	đến 31/12/2014	đến 31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	452.802.804	-
Hoàn nhập	(452.802.804)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-	-
	<hr/>	<hr/>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước có thể được hoàn lại		
▪ Thuế xuất nhập khẩu	3.000.456.383	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	732.627.212	-
	<hr/>	<hr/>
	3.733.083.595	-
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	165.314.403.558	750.731.080.708	9.492.085.216	26.903.016.544	952.440.586.026
Tăng trong kỳ	-	672.400.000	480.068.182	1.220.466.909	2.372.935.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	26.524.935.685	20.866.317.377	90.221.819	3.916.587.254	51.398.062.135
Thanh lý	-	(6.158.660.035)	-	(259.221.712)	(6.417.881.747)
Số dư cuối kỳ	191.839.339.243	766.111.138.050	10.062.375.217	31.780.848.995	999.793.701.505
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	83.729.907.119	323.930.764.705	4.410.760.956	10.565.332.392	422.636.765.172
Khấu hao trong kỳ	3.537.071.089	19.103.602.951	426.556.470	1.039.095.352	24.106.325.862
Thanh lý	-	(1.903.367.751)	-	(259.221.712)	(2.162.589.463)
Số dư cuối kỳ	87.266.978.208	341.130.999.905	4.837.317.426	11.345.206.032	444.580.501.571
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	81.584.496.439	426.800.316.003	5.081.324.260	16.337.684.152	529.803.820.854
Số dư cuối kỳ	104.572.361.035	424.980.138.145	5.225.057.791	20.435.642.963	555.213.199.934

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 108.611 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/6/2014: 106.662 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 421.345 triệu VND (30/6/2014: 434.373 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí phát triển VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	14.759.072.958	2.826.617.042	1.012.441.931	18.598.131.931
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	7.153.984.910	2.617.236.925	346.090.052	10.117.311.887
Khấu hao trong kỳ	374.859.769	38.523.885	98.268.572	511.652.226
Số dư cuối kỳ	7.528.844.679	2.655.760.810	444.358.624	10.628.964.113
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	7.605.088.048	209.380.117	666.351.879	8.480.820.044
Số dư cuối kỳ	7.230.228.279	170.856.232	568.083.307	7.969.167.818

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 1.256 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/6/2014: 1.256 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 5.848 triệu VND (30/6/2014: 6.107 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	121.495.589.838	292.621.323.294
Tăng trong kỳ	34.991.345.038	50.396.741.394
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	123.507.066
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(51.398.062.135)	(236.810.114.509)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(79.350.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(47.931.818)
Số dư cuối kỳ	105.088.872.741	106.204.175.427

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang tại Tây Ninh	23.436.036.043	30.138.327.094
Dự án sản xuất mía đường đặt tại sông Vàm Cỏ	23.512.218.727	23.512.218.727
Xây dựng cơ bản dở dang tại nhà máy Trị An	10.402.764.032	15.580.147.284
Xây dựng cơ bản dở dang tại trụ sở chính	8.055.477.384	12.582.520.178
Dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (*)	39.682.376.555	39.682.376.555
Số dư cuối kỳ	105.088.872.741	121.495.589.838

Trong kỳ, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 3.606 triệu VND).

- (*) Ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng với Brightway Group Co. Ltd để chuyển giao dự án này với giá trị chuyển giao là 2.026.740 USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các thủ tục và tài liệu liên quan đến việc bán dự án này chưa được hoàn thành, do đó xây dựng cơ bản dở dang chưa được ghi giảm trên các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014				30/6/2014			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào công ty con:								
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi (i)	-	100%	100%	22.000.000.000	-	100%	100%	22.000.000.000
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (ii)	720.000	24,00%	24,00%	7.200.000.000	720.000	24,00%	24,00%	7.200.000.000
Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu của:								
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	750.000	5,00%	5,00%	9.000.000.000	750.000	5,00%	5,00%	9.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	4.046.196	10,37%	10,37%	58.262.552.034	4.046.196	10,37%	10,37%	58.262.552.034
▪ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	400.920	0,66%	0,66%	4.792.591.350	400.920	0,66%	0,66%	4.792.591.350
				72.055.143.384				72.055.143.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(7.280.482.434)				(10.112.819.634)
				93.974.660.950				91.142.323.750

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (i) Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi (“Hải Vi”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900244283-1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 7 năm 2010. Trụ sở chính của Hải Vi đặt tại Thôn Thành Tân, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là trồng mía, sản xuất và kinh doanh phân bón và vật tư nông nghiệp.
- (ii) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (“Mía đường Thành Thành Công”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống, phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	10.112.819.634	957.713.383
Tăng dự phòng trong kỳ	-	3.306.513.851
Hoàn nhập	(2.832.337.200)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	7.280.482.434	4.264.227.234

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	4.601.106.573	10.983.890.472
Tăng trong kỳ	489.133.531	550.878.470
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	47.931.818
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình – thuần	-	125.052.164
Phân bổ trong kỳ	(2.070.739.864)	(4.986.934.458)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.019.500.240	6.720.818.466

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	994.127.371.459	1.131.301.799.032
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	41.706.592.315	47.420.976.571
	<hr/>	<hr/>
	1.035.833.963.774	1.178.722.775.603
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	31/12/2014	30/6/2014
		VND	VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	295.006.099.469	177.396.807.072
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	USD	51.882.732.000	-
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Thương mại Chinatrust – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	VND	12.713.683.959	82.950.000.000
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c)	VND	81.935.779.804	62.375.485.000
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (d)	VND	25.480.000.000	170.979.040.000
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	-	53.813.591.460
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (e)	VND	37.749.463.325	133.333.722.670
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 (f)	VND	182.877.622.337	119.921.509.735
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 (f)	USD	52.838.802.000	-
▪ Khoản vay 10 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa (g)	VND	17.298.404.140	59.604.861.306
▪ Khoản vay 11 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (h)	VND	87.062.374.840	99.939.163.888
▪ Khoản vay 12 từ Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	USD	21.061.388.407	53.083.901.975
▪ Khoản vay 13 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu Khí và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (j)	VND	19.171.684.937	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

	Loại tiền	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
▪ Khoản vay 14 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (k)	VND	20.000.000.000	-
▪ Khoản vay 14 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Hà Nội (k)	VND	20.000.000.000	-
▪ Khoản vay 15 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (l)	VND	69.049.336.241	-
▪ Khoản vay 16 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận	VND	-	45.120.315.120
▪ Khoản vay 17 từ Ngân hàng TNHH Hong Leong Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	-	38.859.433.072
▪ Khoản vay 18 từ Ngân hàng Nataxis – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	-	33.923.967.734
		994.127.371.459	1.131.301.799.032

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất năm lần lượt từ 4,5% đến 7,1% (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: từ 6,4% đến 7,7%) và từ 2,3% đến 2,5% (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: từ 2,3% đến 3%) trong kỳ.

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 500.000 triệu VND (30/6/2014: 300.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Nông trường Biên Hòa – Thành Long và máy móc với giá trị còn lại là 1.079 triệu VND và 749 triệu VND và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 200.000 triệu VND (30/6/2014: lần lượt là 1.157 triệu VND, 1.295 triệu VND và 200.000 triệu VND).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 96.156 triệu VND hoặc 4,5 triệu USD (30/6/2014: 95.702 triệu VND hoặc 4,5 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 125.372 triệu VND (30/6/2014: 140.946 triệu VND).
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 83.335 triệu VND hoặc 3,9 triệu USD (30/6/2014: 125.475 triệu VND hoặc 5,9 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại là 4.769 triệu VND và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 127.476 triệu VND (30/6/2014: quyền sử dụng đất tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại là 4.950 triệu VND và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 127.602 triệu VND).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 256.416 triệu VND hoặc 12 triệu USD (30/6/2014: 253.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 25.480 triệu VND (30/6/2014: các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 191.403 triệu VND).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150.000 triệu VND (30/6/2014: 150.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 100.000 triệu VND (30/6/2014: 100.000 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 300.000 triệu VND (30/6/2014: 300.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 117.858 triệu VND và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 117.858 triệu VND (30/6/2014: hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 119.922 triệu VND).
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (30/6/2014: 60.000 triệu VND). Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (30/6/2014: 100.000 triệu VND). Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 53.420 triệu VND hoặc 2,5 triệu USD. Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (j) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc với giá trị ghi sổ là 39.969 triệu VND.
- (k) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 106.840 triệu VND hoặc 5 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 40.000 triệu VND.
- (l) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 100.000 triệu VND.

15. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Phải trả các cổ đông	-	19.406.030
Phải trả công ty con	959.857.073	3.694.199.927
Phải trả các bên liên quan khác	68.239.001	26.595.000

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 7 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

16. Người mua trả tiền trước

Trong khoản người mua trả tiền trước có khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Trả trước từ các bên liên quan	322.719.861	359.941.853

Khoản trả trước từ các bên liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.696.039.772	6.946.271.409
Thuế giá trị gia tăng	-	86.432.042
Thuế tiêu thụ đặc biệt	188.051	305.845.870
Các loại thuế khác	527.516.336	169.089.864
	<hr/>	<hr/>
	5.223.744.159	7.507.639.185
	<hr/>	<hr/>

18. Chi phí phải trả

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	2.833.976.000	-
Chi phí lãi vay	1.191.365.171	1.705.360.065
Chiết khấu bán hàng và khuyến mãi	2.099.183.272	1.966.863.130
Trợ giá mía cho nông dân ở hai nhà máy	1.280.163.068	319.788.534
Chi phí lương và công tác phí cho hệ thống phân phối	1.213.504.150	429.915.859
Chi phí khác	2.209.536.940	629.993.154
	<hr/>	<hr/>
	10.827.728.601	5.051.920.742
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

19. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Phải trả cho Brightway Group Co., Ltd (*)	33.172.706.250	-
Khoản vay từ Công đoàn (**)	9.989.423.826	13.906.050.812
Cổ tức phải trả	1.988.596.700	33.158.099.700
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển ký quỹ phải trả cho nông dân trồng mía	1.465.549.241	407.753.134
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	5.917.392.948	3.300.610.989
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	652.758.740	702.385.831
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	1.709.555.000	135.350.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.013.461.607	2.351.401.296
	56.909.444.312	53.961.651.762

(*) Khoản phải trả cho Brightway Group Co., Ltd thể hiện khoản trả trước của Brightway Group Co., Ltd để chuyển giao dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia.

(**) Khoản vay này chịu lãi suất năm là 7,5% (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 12%) trong kỳ.

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	6.134.615.866	14.785.981.133
Tăng trong kỳ	5.318.202.499	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	(4.675.471.374)	(5.428.636.001)
Số dư cuối kỳ	6.777.346.991	9.357.345.132

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

21. Vay dài hạn

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Vay dài hạn	101.957.627.308	121.271.931.504
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 14)	(41.706.592.315)	(47.420.976.571)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau mười hai tháng	60.251.034.993	73.850.954.933
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm	31/12/2014	30/6/2014
Loại tiền	đáo hạn	VND	VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	2018	14.718.029.289
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh (b)	VND	2020	10.262.454.400
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (c)	VND	2015	7.100.000.000
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (d)	VND	2015	2.549.825.000
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (e)	VND	2017	22.223.701.572
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (f)	VND	2018	5.679.185.030
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (g)	VND	2018	9.822.120.640
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai (h)	VND	2015	7.201.160.172
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai (i)	VND	2018	22.401.151.205
▪ Khoản vay 10 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	2014	-
			5.943.400.000
			<hr/>
			101.957.627.308
			121.271.931.504
			<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Các khoản vay chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 13% (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: từ 3,9% đến 12,9%) trong kỳ.

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 51.513 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 4 kỳ hàng năm bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.680 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 20 tháng 9 năm 2018.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30.195 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 10 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.006 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 198 triệu VND vào ngày 15 tháng 4 năm 2020.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Biên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 20.886 triệu VND (30/6/2014: 22.690 triệu VND) và máy móc tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 68.301 triệu VND (30/6/2014: 74.713 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 2 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.350 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.400 triệu VND vào ngày 22 tháng 9 năm 2015.
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7.700 triệu VND và được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 8.560 triệu VND (30/6/2014: 10.390 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 3 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 850 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 21 tháng 9 năm 2015.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 111.933 triệu VND (30/6/2014: 114.810 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 10 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.021 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.019 triệu VND vào ngày 8 tháng 11 năm 2017.
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 24.000 triệu VND và cùng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp cho khoản vay c trên từ ngân hàng này (30/6/2014: máy móc tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại là 114.810 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 13 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 437 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 26 tháng 3 năm 2018.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.708 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 10.337 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 16 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 614 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 26 tháng 12 năm 2018.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 32.000 triệu VND và được đảm bảo bằng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc tại nhà máy Trị An với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 70.301 triệu VND (30/6/2014: 73.206 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 8 kỳ hàng quý. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 1.489 triệu VND vào ngày 25 tháng 9 năm 2015.
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 48.212 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị tại nhà máy Trị An với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 90.308 triệu VND (30/6/2014: 92.692 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được hoàn trả trong 12 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.817 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 595 triệu VND vào ngày 25 tháng 3 năm 2018.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2013	314.974.590.000	39.817.240.000	105.138.664.571	31.036.946.843	23.811.499.050	514.778.940.464
Phát hành cổ phiếu	314.974.590.000	-	-	-	-	314.974.590.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	33.785.472.978	33.785.472.978
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(15.748.729.500)	(15.748.729.500)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	629.949.180.000	39.817.240.000	105.138.664.571	31.036.946.843	41.848.242.528	847.790.273.942
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	44.318.354.160	44.318.354.160
Cổ tức	-	-	-	-	(31.497.459.000)	(31.497.459.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(4.668.590.197)	(4.668.590.197)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.945.245.915	1.945.245.915	(3.890.491.830)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014	629.949.180.000	39.817.240.000	107.083.910.486	32.982.192.758	46.110.055.661	855.942.578.905
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	36.458.519.960	36.458.519.960
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(31.497.459.000)	(31.497.459.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(5.318.202.499)	(5.318.202.499)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.215.917.708	2.215.917.708	(4.431.835.416)	-
Trích tiền thưởng vượt kế hoạch	-	-	-	-	(2.616.781.959)	(2.616.781.959)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	629.949.180.000	39.817.240.000	109.299.828.194	35.198.110.466	38.704.296.747	852.968.655.407

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000
Cổ phiếu lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014		Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	62.994.918	629.949.180.000	31.497.459	314.974.590.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-	31.497.459	314.974.590.000
Số dư cuối kỳ	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000

24. Cổ tức

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 22 tháng 11 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 31.497 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu cho cổ tức của giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31/12/2013: 15.749 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm đối phó với những rủi ro kinh doanh chung của Công ty trong tương lai.

26. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.342.362.640.671	1.682.713.690.310
▪ Cung cấp dịch vụ	9.932.443.459	21.629.676.076
	<hr/> 1.352.295.084.130	<hr/> 1.704.343.366.386
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(2.547.783.266)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.844.415.667)	(106.893.416)
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(120.819.257)	(888.058.006)
	<hr/> (4.513.018.190)	<hr/> (994.951.422)
Doanh thu thuần	<hr/> 1.347.782.065.940	<hr/> 1.703.348.414.964

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

27. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	1.210.603.612.094	1.562.146.890.743
▪ Dịch vụ đã cung cấp	5.629.806.947	10.193.205.054
	1.216.233.419.041	1.572.340.095.797

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	41.156.692	649.691.875
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	13.134.798.189	16.920.100.540
Lãi từ trả trước cho người bán và cho các công ty khác vay	6.979.159.979	10.292.838.739
Lãi từ tiền thanh toán chậm của khách hàng	303.841.257	-
Thu nhập cổ tức	2.223.558.000	2.691.624.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.141.129.711	450.820.750
	24.823.643.828	31.005.075.904

29. Chi phí tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	34.690.653.408	43.454.365.121
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	3.306.513.851
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(2.832.337.200)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.159.843.340	148.739.339
Chi phí tài chính khác	20.750.000	869.408.542
	33.038.909.548	47.779.026.853

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

30. Thu nhập khác

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	4.168.300.908	506.454.545
Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	41.438.996	17.300.000
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	173.266.137	225.137.537
Thu nhập khác	2.942.739.004	26.096.450
	<hr/> 7.325.745.045	<hr/> 774.988.532

31. Chi phí khác

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	4.255.292.284	295.513.692
Chi phí khác	33.520.000	8.302.914
	<hr/> 4.288.812.284	<hr/> 303.816.606

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	9.247.694.517	10.029.615.334
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	-	(957.071.711)
	9.247.694.517	9.072.543.623
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	-	586.198.284
	9.247.694.517	9.658.741.907

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	45.706.214.477	43.444.214.885
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.055.367.185	10.861.053.721
Chi phí không được khấu trừ thuế	10.190.400	427.665.897
Thu nhập không chịu thuế	(817.863.068)	(672.906.000)
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	-	(957.071.711)
	9.247.694.517	9.658.741.907

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016 trở đi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

33. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và xem xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào công cụ nợ.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(*)	78.719.818.224	70.610.388.394
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(**)	212.918.932.080	31.052.571.428
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(***)	342.807.894.924	269.250.668.007
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	(****)	149.952.209.777	189.368.604.039
		784.398.855.005	560.282.231.868

(*) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

() Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản cho bên thứ ba vay. Công ty có thể chịu rủi ro tín dụng nếu bên thứ ba không có khả năng trả nợ. Ban Tổng Giám đốc đối phó với những rủi ro này bằng cách liên tục giám sát tình hình tài chính của bên thứ ba.

Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn nào cần thiết phải lập cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này.

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, khách hàng cần phải ứng tiền trước đối với tất cả các yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Phải thu khách hàng và phải thu khác chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Dựa vào lịch sử vi phạm về việc trả nợ, Công ty tin rằng, ngoại trừ các khoản dự phòng đã lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Trong hạn	287.257.856.151	205.283.994.462
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	38.262.260.234	59.570.545.709
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	17.331.237.882	4.129.459.125
Quá hạn trên 180 ngày	1.369.182.865	1.438.708.041
	344.220.537.132	270.422.707.337

(**) Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được căn trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Dựa vào lịch sử vi phạm về việc trả nợ, Công ty tin rằng, ngoại trừ các khoản dự phòng đã lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước cho nông dân trồng mía tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tuổi nợ của các khoản trả trước cho nông dân trồng mía như sau:

	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Trong hạn	147.565.738.016	190.095.903.671
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.212.854.227	461.893.921
Quá hạn trên 180 ngày	7.698.177.809	7.494.497.706
	156.476.770.052	198.052.295.298

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	9.855.730.589	4.258.673.031
Tăng dự phòng trong kỳ	1.793.385.302	2.851.274.134
Hoàn nhập	(393.480.548)	(545.021.729)
Số dư cuối kỳ	<u>11.255.635.343</u>	<u>6.564.925.436</u>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	994.127.371.459	1.009.714.653.906	1.009.714.653.906	-	-	-
Phải trả người bán	225.524.114.884	225.524.114.884	225.524.114.884	-	-	-
Phải trả người lao động	25.552.881.455	25.552.881.455	25.552.881.455	-	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	56.909.444.312	56.909.444.312	56.909.444.312	-	-	-
Chi phí phải trả	10.827.728.601	10.827.728.601	10.827.728.601	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay dài hạn	101.957.627.308	115.792.690.461	49.517.023.863	29.224.691.217	36.849.457.552	201.517.829
Nợ dài hạn khác	482.640.000	482.640.000	-	482.640.000	-	-
	1.415.381.808.019	1.444.804.153.619	1.378.045.847.021	29.707.331.217	36.849.457.552	201.517.829

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.131.301.799.032	1.149.596.656.454	1.149.596.656.454	-	-	-
Phải trả người bán	93.068.208.618	93.068.208.618	93.068.208.618	-	-	-
Phải trả người lao động	23.146.291.584	23.146.291.584	23.146.291.584	-	-	-
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	53.961.651.762	55.004.605.573	55.004.605.573	-	-	-
Chi phí phải trả	5.051.920.742	5.051.920.742	5.051.920.742	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay dài hạn	121.271.931.504	139.900.811.807	57.032.862.204	36.190.797.206	45.451.800.300	1.225.352.097
Nợ dài hạn khác	1.555.540.000	1.555.540.000	-	1.555.540.000	-	-
	1.429.357.343.242	1.467.324.034.778	1.382.900.545.175	37.746.337.206	45.451.800.300	1.225.352.097

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD), Euro (EUR) và Đô la Úc (AUD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014		30/6/2014		
	USD	EUR	USD	EUR	AUD
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.274	250	174.314	250	-
Phải trả người bán	(8.440.776)	-	(2.532.531)	(505)	(2.650)
Vay ngắn hạn	(5.920.311)	-	(5.026.449)	-	-
	(14.350.813)	250	(7.384.666)	(255)	(2.650)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
1 USD	21.368	21.267
1 EUR	25.532	28.882
1 AUD	16.883	19.887

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2014. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
31/12/2014	
USD (mạnh thêm 1%)	(1.195.927.872)
EUR (yếu đi 12%)	(577.534)
30/6/2014	
USD (mạnh thêm 1%)	(1.224.987.596)
EUR (mạnh thêm 0,3%)	(17.234)
AUD (mạnh thêm 7%)	(2.877.450)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	30/6/2014
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	212.918.932.080	31.052.571.428
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	149.952.209.777	189.368.604.039
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(9.989.423.826)	(13.906.050.812)
Vay dài hạn (*)	(24.980.483.689)	(35.609.876.411)
	397.901.234.342	170.905.248.244
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	8.719.818.224	70.610.388.394
Vay ngắn hạn	(994.127.371.459)	(1.131.301.799.032)
Vay dài hạn	(76.977.143.619)	(85.662.055.093)
	(1.062.384.696.854)	(1.146.353.465.731)

- (*) Vay dài hạn có lãi suất cố định từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai và từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 8.287 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 8.942 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	78.719.818.224	70.610.388.394
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	212.918.932.080	31.052.571.428
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	342.807.894.924	269.250.668.007
- Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	149.952.209.777	189.368.604.039
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Đầu tư chứng khoán dài hạn	64.774.660.950	61.942.323.750
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	251.311.300.681	147.029.860.380
- Nợ phải trả ngắn hạn khác	36.380.610.056	28.198.212.326
- Vay ngắn hạn	994.127.371.459	1.131.301.799.032
- Vay dài hạn	101.957.627.308	121.271.931.504
- Nợ phải trả dài hạn khác	482.640.000	1.555.540.000

Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin. Các phương pháp sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các đơn vị khác, phải thu khách hàng và phải thu khác, trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía, phải trả người bán và phải trả khác, vay và nợ ngắn hạn khác.

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Đầu tư chứng khoán dài hạn, trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía, vay dài hạn và nợ phải trả dài hạn khác

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	-	3.606.395.331
Cần trừ tiền mua mía với trả trước cho nông dân trồng mía	76.716.685.903	69.925.486.157
Cần trừ tiền mua mía với lãi phải thu từ nông dân trồng mía	10.198.139.463	15.798.927.441
Vay tài sản ghi nhận trong hàng tồn kho	-	60.083.475.900
Chi phí khấu hao được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn chạy thử của nhà máy Trị An và nhà máy Tây Ninh	-	11.564.819.545

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	31.429.925.784	164.590.132.175
Mua hàng hóa và dịch vụ	261.556.743	-
Trả trước cho người bán	-	25.000.000.000
Cho vay	271.000.000.000	103.500.000.000
Thu nhập lãi cho vay	2.664.664.360	1.386.425.295
Phân phối cổ tức	9.194.986.000	2.298.746.500
Mua cổ phiếu phát hành thêm	-	45.974.930.000
Phí tư vấn	-	810.000.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh		
Bán thành phẩm	70.763.006.520	34.202.381.928
Cung cấp dịch vụ	1.157.292.223	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	45.922.867	6.505.781.144
Phân phối cổ tức	13.630.296.000	3.407.574.000
Mua cổ phiếu phát hành thêm	-	68.151.480.000
Trả trước cho người bán	-	22.591.096.355
Phí gia công và dịch vụ khác	-	752.535.919
Phí thuê kho bãi	-	64.611.107
Tổng công ty Mía Đường II – Công ty TNHH Một Thành Viên		
Phân phối cổ tức	7.734.143.000	1.687.550.000

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

	Mẫu B 09a – DN	
	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai		
Phân phối cổ tức	5.278.600.000	-
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi		
Mua mía nguyên liệu	3.688.282.539	2.849.760.303
Bán mía giống	447.695.923	6.707.562.170
Cung cấp dịch vụ	3.964.613.493	-
Thu lãi cho vay	-	396.671.693
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Mua đường nguyên liệu và dịch vụ	40.385.221.650	99.457.846.762
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	509.040.116	12.520.800.787
Bán thành phẩm và dịch vụ	5.835.222.860	13.925.107.072
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	525.714	-
Cung cấp dịch vụ	1.066.667	-
Bán tài sản cố định	324.846.363	-
Mua dịch vụ	190.500.000	-
Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Thù lao	592.500.000	1.102.083.333
Tiền lương và thưởng	3.207.632.035	4.106.375.697

36. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	45.512.030.071	263.920.658.510

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VND	30/6/2014 VND
Trong vòng một năm	4.079.829.097	3.591.197.940
Trong vòng hai đến năm năm	7.409.597.587	8.284.645.022
Sau năm năm	58.041.847.761	59.868.519.389
	69.531.274.445	71.744.362.351

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 VND	Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	903.922.862.688	1.049.540.197.342
Chi phí nhân công và nhân viên	63.273.485.064	72.896.662.834
Chi phí khấu hao và phân bổ	24.617.978.088	5.981.943.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.217.026.431	74.737.457.989
Chi phí khác	18.381.878.725	9.749.696.890

Ngày 25 tháng 2 năm 2015

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín
M1 - Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch